|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11 **TRƯỜNG**  Số: /BC- | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúcQuận 11, ngày tháng năm 2024 |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tổng kết tình hình Giáo dục mầm non**

**Năm học 2023-2024**

**1. Tuyên truyền quán triệt việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non và thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua**

***1.1 Nêu cụ thể các hoạt động truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ về đổi mới và phát triển GDMN***

(Vd: tên hội thảo, tập huấn, tuyên truyền, vận động, phong trào; số lượng tham gia, cá nhân, tập thể được tuyên dương, khen thưởng…)

***1.2 Việc triển khai không gian văn hóa Hồ Chí Minh***

…………………………………………………………………………………

**2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục**

***2.1 Triển khai, chỉ đạo thực hiện các văn bản, chính sách về GDMN***

Nêu cụ thể các văn bản về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ về đổi mới và phát triển GDMN

* Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT)
* Văn bản của Ủy Ban nhân dân Thành phố
* Văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo
* Văn bản của ủy ban nhân dân Quận và Phòng Giáo dục và Đào tạo

***2.2 Việc tham mưu UBND quận 11 ban hành các chính sách để phát triển GDMN theo quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP***

…………………………………………………………………………………

***2.3 Việc đổi mới công tác quản lý giáo dục***

- Việc đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn, thực hiện hệ thống hồ sơ sổ sách so với quy định...

- Việc thực hiện công khai theo quy định….

Nhận định:……………………………………………………………………

……………………………………………………………………………….

***2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở GDMN***

- Triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất (hình thức, nội dung, thời gian, thành phần đoàn...)

- Công tác phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành, đoàn thể, huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư trong việc quản lý cơ sở GDMN.

- Biện pháp xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức vi phạm (nội dung vi phạm, số đơn vị bị xử lý, hình thức xử lý...).

Nhận định:……………………………………………………………………

……………………………………………………………………………….

**3. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

***3.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp; tăng tỷ lệ huy động trẻ***

- Tổng số nhóm/ lớp: …..; riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi: ……

- Tổng số trẻ: ….; trong đó:

Nhà trẻ: ….(6-12th:……, 13-18th:………, 19-24th:……, 24-36th:……..)

Mẫu giáo:….(3-4t:……, 4-5t:………, 5-6t:……..)

* Số trẻ được ăn bán trú: ……………, tỷ lệ: 100%;

Nhà trẻ: ……/…….., tỷ lệ: …%; Mẫu giáo……/…….., tỷ lệ: …%;

Trẻ mẫu giáo 5 tuổi: ……/…….., tỷ lệ: …%;

* Số trẻ học 2 buổi/ngày:

Nhà trẻ: ……/…….., tỷ lệ: …%; Mẫu giáo: ……/…….., tỷ lệ: …%; Trẻ Mẫu giáo 5 tuổi: ……/…….., tỷ lệ: …%;

* Số trẻ có mã định danh: ……/…….., tỷ lệ: …%; trong đó:

Nhà trẻ: ……/…….., tỷ lệ: …%;; Mẫu giáo: ……/…….., tỷ lệ: …%;

Trẻ mẫu giáo 5 tuổi: ……/…….., tỷ lệ: …%.

***3.2. Rà soát, sắp xếp phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường CSVC, nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, thực hiện mô hình trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”.***

*3.2.1 Việc triển khai thực hiện Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình GDMN 2018 - 2025”*

- Tổng kinh phí xây dựng, sữa chữa trường mầm non:

+ Trường được sửa chữa, cải tạo:………………. (hạng mục)

Kinh phí:……….

- Việc rà soát, đảm bảo đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định…………; tỷ lệ………………….; bổ sung đồ chơi, học liệu tại các cơ sở GDMN.

Kinh phí mua sắm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi, thiết bị; tài liệu, học liệu phù hợp với thực hiện nội dung chương trình GDMN................................./đồng

- Việc tổ chức, phát động làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu ......; có nhận định đánh giá…………………..; kết quả …………; kinh phí……………/đồng

*3.2.2 Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia*

- Công tác đầu tư xây dựng, duy trì chất lượng trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường được sửa chữa, cải tạo:………………. (hạng mục)

Kinh phí đầu tư: ……..

- Công tác đầu tư xây dựng, duy trì chất lượng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia:

Trường được sửa chữa, cải tạo:………………. (hạng mục)

Kinh phí đầu tư: ……..

*3.2.3 Việc thực hiện Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2022 của UBND Thành phố ban hành Quy định về tiêu chí công nhận trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế”.*

- Công tác và kế hoạch đầu tư, xây dựng thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến hội nhập quốc tế”……………………………………………………

+ Số lớp …………….; 3-4 tuổi………; 4-5 tuổi ………..; 5-6 tuổi ……….

+ Số trẻ ………………; 3-4 tuổi………; 4-5 tuổi ………..; 5-6 tuổi ……….

**4. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi**

*Thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ* *cập giáo dục, xóa mù chữ*

+ Việc thực hiện số hóa các hồ sơ

…………………

+ Công tác triển khai rà soát, đối chiếu, so sánh số liệu các biểu thống kê, thực hiện báo cáo đảm bảo tính chính xác........(khó khăn, thuận lợi và đề xuất giải pháp khắc phục).

…………………

+ Việc bố trí đảm bảo đủ giáo viên dạy các lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định.

…………………

+ Việc xây dựng kế hoạch, tập huấn, kiểm tra, công nhận duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

…………………

+ Việc tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi và rà soát một số điều kiện hướng đến phổ cập GDMN cho trẻ 3 tuổi, 4 tuổi

Nhận định:……………………………………………………………………

……………………………………………………………………………….

**5. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

***5.1. Việc xây dựng phương án và sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình các dịch bệnh; bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ***

- Việc phối hợp với ngành y tế địa phương thực hiện công tác phòng, chống các dịch bệnh

………………………………………………………………………………….

- Công tác kiểm tra, giám sát các cơ sở GDMN trong việc thực hiện các quy định về phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống tai nạn thương tích; các quy định về đảm bảo an toàn cho trẻ

……………………………………………

- Báo cáo kết quả xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục mầm non (theo Thông tư 45/TT-BGDĐT)

…………….

***5.2. Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em***

- Công tác quản lý chất lượng bữa ăn của trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định

………………………………….;

- Việc tổ chức tăng cường giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe

…………………………………………..

- Số trẻ đến trường, lớp được kiểm tra sức khỏe.............; tỷ lệ:..............số lần/năm…………

- Số trẻ đến trường, lớp được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.............., tỷ lệ:...........

- Việc phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ để phòng, chống suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì…………………; các hình thức tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ, người chăm sóc trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối, hợp lý; về phòng chống dịch bệnh…………………(hình thức, nội dung, số lượng tham dự, kinh phí, hỗ trợ khác, công tác phối kết hợp với ban ngành và cha mẹ trẻ/ người chăm sóc trẻ)

- Kết quả chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân, thể thấp còi); trẻ thừa cân, béo phì (tính đến cuối năm học 2023-2024)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Độ tuổi** | **Tổng số** | **Trẻ SDD  thể nhẹ cân** | **Trẻ SDD  thể thấp còi** | **Trẻ SDD**  **thể còi** | **Trẻ thừa cân-béo phì** |
| **- Trẻ Nhà trẻ** |  |  |  |  |  |
| + Đầu vào |  |  |  |  |  |
| *Tỷ lệ[[1]](#footnote-1)* |  |  |  |  |  |
| + Phục hồi |  |  |  |  |  |
| *Tỷ lệ[[2]](#footnote-2)* |  |  |  |  |  |
| + Đầu ra |  |  |  |  |  |
| *Tỷ lệ* |  |  |  |  |  |
| **- Trẻ Mẫu giáo** |  |  |  |  |  |
| + Đầu vào |  |  |  |  |  |
| *Tỷ lệ[[3]](#footnote-3)* |  |  |  |  |  |
| + Phục hồi |  |  |  |  |  |
| *Tỷ lệ[[4]](#footnote-4)* |  |  |  |  |  |
| + Đầu ra |  |  |  |  |  |
| *Tỷ lệ* |  |  |  |  |  |

***5.3 Nâng cao chất lượng thực hiện, phát triển Chương trình GDMN***

- Triển khai tổ chức các chuyên đề…….;

Tên chuyên đề…….;

Số lớp …..;

Số người tham dự ……..;

Kinh phí……..

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao năng lực theo tài liệu Bộ, Sở, Phòng

Nội dung bồi dưỡng…….;

Số lớp …..;

Số người tham dự ……..;

Kinh phí……..

- Kết quả triển khai Chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025 (Năm thứ 3)

……………………………………………

- Việc xây dựng kho tài liệu, học liệu trực dùng chung (đánh giá hiệu quả, chia sẻ cách khai thác hiệu quả, minh chứng….)

- Tổ chức các hội thảo

Tên hội thảo…….;

Số lớp …..;

Số người tham dự ……..;

Kinh phí……..

- Công tác quản lý chất lượng, hiệu quả cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT

+ Số cơ sở tổ chức cho trẻ LQTA…… ../tổng số cơ sở; tỷ lệ:…….; số trẻ tham gia……/ tổng số trẻ; tỷ lệ…..

- Kết quả Hội thi Giáo viên mầm non dạy giỏi cấp Quận chủ đề “Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục”, năm học 2023-2024:

……………………………

- Kết quả Hội thi Giáo viên mầm non dạy giỏi cấp Thành phố chủ đề “Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục”, năm học 2023-2024:

……………………………

- Việc triển khai thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới

………………………………………………

- Biện pháp áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến

……………………………………….

- Việc khai thác, cải tạo, sửa chữa, xây dựng các phòng tổ chức hoạt động cho trẻ: phòng học thông minh; phòng học Stem, Steam, phòng học mô hình trường tiên tiến, phòng hoạt động tạo hình…...v..v… (tên các phòng cụ thể, kinh phí, nguồn kinh phí….; hiệu quả hoạt động……………)

- Việc thực hiện quản lý, lựa chọn, sử dụng đồ chơi, tài liệu, học liệu theo quy định………………………………..

- Đón đoàn giáo sinh kiến, thực tập:

………………………………………………………

- Đón các đoàn tỉnh bạn trao đổi học tập kinh nghiệm…………………

- Phối hợp kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công khai chương trình và chất lượng thực hiện chương trình đối với các cơ sở GDMN có yếu tố nước ngoài

…………………………………………………………………………………

- Trường ……có trẻ học hoà nhập, số lớp……;số trẻ …..; một số nội dung tổ chức hoạt động (nhận định).

**6. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non**

- Tình hình đội ngũ:

+ Số CBQL………..

+ Số giáo viên …………..

Giáo viên có trình độ đào tạo chưa đạt chuẩn: …………

Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn:………..

Giáo viên có trình độ trên chuẩn

+ Số giáo viên hợp đồng làm việc (biên chế)…………..

+ Số giáo viên hợp đồng lao động ……………………..

+ Tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp……………

+ Số giáo viên còn thiếu…………….…

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn:

+ Số lớp tổ chức bồi dưỡng, tập huấn……………………...(nội dung, số lớp, số người tham dự, đơn vị phối hợp…, kinh phí…)

+ Biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn…………………

**7. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số với GDMN**

- Việc thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục mầm non………………………………………………………………………………

- Việc triển khai các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý ………….được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, (tên phần mềm ứng dụng).........Số đơn vị sử dụng phần mềm............., tỷ lệ (%).....................); đảm bảo tính liên thông trực tuyến từ cơ sở GDMN tới cấp Phòng, Sở để đảm bảo chất lượng quản lý, giám sát.

- Việc triển khai rà soát, hoàn thiện cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành……………………………………

- Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ …………….(tên và công dụng của các ứng dụng, phần mềm)

**8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non**

- Việc phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thông tin truyền thông về GDMN; các hoạt động nuôi dương, chăm sóc giáo dục trẻ…………; số lượng tin bài……….; nội dung ………….; đơn vị phối hợp………..(minh chứng)

- Các hình thức, nội dung để phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ trẻ, người chăm sóc trẻ………………………………………

**9. Việc thực hiện các kế hoạch, đề án, Nghị quyết**

- Kết quả triển khai Kế hoạch số 3624/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

………………………………………………………………………………….

- Kết quả triển khai Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

Số trẻ hưởng toàn đơn vị: ………………..Tổng số tiền:…….

Trong đó:

Nhà trẻ: Số trẻ …….. x 100.000 =

Mẫu giáo: Số trẻ …….. x 140.000 =

- Kết quả triển khai Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số trẻ có ba mẹ làm khu công nghiệp:…..

Trẻ nhà trẻ:

Trẻ 3-4 tuổi:

Trẻ 4-5 tuổi:

Trẻ 5-6 tuổi

- Thực hiện Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14/6/2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung

Đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập: Hỗ trợ thêm 25% tiền lương/tháng do tính chất công việc;

+ Số CBQL:……… tổng kinh phí……………

+ Số giáo viên:…….. tổng kinh phí……………

+ Số nhân viên……… tổng kinh phí……………

Tổng kinh phí toàn đơn vị: …………….

c) Đối với giáo viên mầm non mới ra trường được tuyển dụng mới: Hỗ trợ thêm cho giáo viên mới ra trường theo mức như sau:

- Năm đầu được tuyển dụng: Hỗ trợ 100% lương cơ sở/người/tháng

+ Số giáo viên:…….. tổng kinh phí……………

- Năm thứ hai sau khi được tuyển dụng: Hỗ trợ 70% lương cơ sở/người/tháng

+ Số giáo viên:…….. tổng kinh phí……………

- Năm thứ ba sau khi được tuyển dụng: Hỗ trợ 50% lương cơ sở/người/tháng

+ Số giáo viên:…….. tổng kinh phí……………

+ Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên công lập theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND

+ Số CBQL:……… tổng kinh phí……………

+ Số giáo viên:…….. tổng kinh phí……………

+ Số nhân viên……… tổng kinh phí……………

Tổng kinh phí toàn đơn vị: …………….

- Thực hiện Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách thu hút giáo viên mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 23/3/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung………………………; Kinh phí……..

Mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non do tính chất công việc (không áp dụng đối với giáo viên hợp đồng): 650.000 đồng/người/tháng x 9 tháng/năm.

+ Số giáo viên được hỗ trợ………...; tổng kinh phí:……………

Mức hỗ trợ khuyến khích đối với giáo viên mầm non theo trình độ chuyên môn (không áp dụng đối với giáo viên hợp đồng):

1. Trình độ thạc sĩ: 1.500.000 đồng/người/tháng x 12 tháng/năm.

+ Số giáo viên được hỗ trợ………...; tổng kinh phí:……………

1. Trình độ đại học: 900.000 đồng/người/tháng x 12 tháng/năm.

+ Số giáo viên được hỗ trợ………...; tổng kinh phí:……………

c) Trình độ cao đẳng: 550.000 đồng/người/tháng x 12 tháng/năm.

+ Số giáo viên được hỗ trợ………...; tổng kinh phí:……………

- Thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non từ 6 -18 tháng tuổi

+ Số nhóm trẻ:

Nhóm 6-12 tháng...

Nhóm 13-18 tháng…..

Nhóm ghép 6-13 tháng:……

+ Số trẻ:

Nhóm 6-12 tháng... (Số giáo viên…., Nhân viên nuôi dưỡng….)

Nhóm 13-18 tháng….. (Số giáo viên…., Nhân viên nuôi dưỡng….)

Nhóm ghép 6-13 tháng:…… (Số giáo viên…., Nhân viên nuôi dưỡng….)

**II. Đánh giá chung**

1. **Đánh giá tóm tắt những điểm nhấn, nổi bật**

..............................

**2. Những khó khăn, hạn chế**

- Những vấn đề còn gặp khó khăn, vướng mắc của đơn vị.

- Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế ở từng nội dung.

- Các giải pháp sẽ thực hiện trong thời gian tiếp theo.

**III. Kiến nghị, đề xuất**

..............................

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình giáo dục mầm non của đơn vị…….năm học 2023 – 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** -  - | **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:*** *Những mục bôi vàng nếu có nội dung cần ghi rõ, nếu không có nội dung thì ghi rõ “Không có”, “Không tham gia”, “Không thực hiện”…..*

1. So với tổng số trẻ nhà trẻ (đầu vào, đầu ra) [↑](#footnote-ref-1)
2. So với đầu vào [↑](#footnote-ref-2)
3. So với tổng số trẻ mẫu giáo (đầu vào, đầu ra) [↑](#footnote-ref-3)
4. So với đầu vào [↑](#footnote-ref-4)